

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**VÕ HOÀNG ĐÔNG**

**ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Mã số: 92 29 015**

**HÀ NỘI - 2026**

**Công trình được hoàn thành tại  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Trần Thị Vui**



**2. TS. Trần Thị Thái**



**Phản biện 1:** .....

**Phản biện 2:** .....

**Phản biện 3:** .....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện,  
họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh  
vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....**

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

**Thư viện Quốc gia**

**Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế nông nghiệp (KTNN) là bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân, bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; trong đó có trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và các hoạt động dịch vụ, chế biến, tiêu thụ gắn với quá trình sản xuất nông nghiệp. KTNN còn thể hiện quan hệ kinh tế giữa các chủ thể tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất, khai thác nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển thị trường và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ngày càng trở nên cấp thiết, KTNN không chỉ giữ vai trò đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của con người mà còn đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo, ổn định xã hội và bảo tồn các giá trị văn hóa, tri thức bản địa. Vì vậy, phát triển KTNN không chỉ là nhu cầu khách quan, mà còn là vấn đề trọng yếu trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia.

Đối với Việt Nam, KTNN không chỉ là ngành sản xuất truyền thống mà còn giữ vai trò nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định KTNN là lĩnh vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, giữ vai trò nền tảng trong bảo đảm an ninh lương thực, ổn định kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nông dân và tạo tiền đề vững chắc cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước. Qua 40 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng đã từng bước bổ sung, phát triển và hoàn thiện hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về phát triển KTNN, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của nền nông nghiệp Việt Nam, thúc đẩy KTNN phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

An Giang là tỉnh biên giới thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của khu vực và cả nước. Với lợi thế nằm ở đầu nguồn, cùng với hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, An Giang là một trong những địa phương có vai trò quan trọng trong sản xuất lúa gạo, nuôi trồng và chế biến thủy sản của vùng và cả nước. Trong quá trình đổi mới, nông nghiệp An Giang đã có nhiều chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng vào bảo đảm an ninh lương thực, xuất khẩu nông sản, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân và ổn định chính trị - xã hội ở khu vực biên giới Tây Nam. Trong những năm 2010-2020, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang, KTNN tiếp tục đạt được một số kết quả nổi bật, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo phát triển KTNN vẫn còn những hạn chế, hiệu quả chưa

cao... Vì vậy, việc nghiên cứu, tổng kết và đánh giá một cách khoa học, khách quan quá trình lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang trong những năm 2010-2020 nhằm làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân và rút ra một số kinh nghiệm là vấn đề cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Những kinh nghiệm được đúc rút từ luận án có giá trị tham khảo quan trọng, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn mới, khi tỉnh An Giang và Kiên Giang đã hoàn thành việc sáp nhập, mở ra một không gian phát triển mới.

Từ những lý do trên việc nghiên cứu, tổng kết quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN là rất cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài “***Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2010 đến năm 2020***”, làm luận án Tiến sĩ lịch sử, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1. Mục đích nghiên cứu***

Luận án phân tích, làm rõ chủ trương và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang đối với phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020, qua đó đánh giá những ưu điểm, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, luận án đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị thực tiễn, có thể vận dụng để tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo, hoạch định chủ trương của Đảng bộ tỉnh trong chỉ đạo phát triển KTNN giai đoạn tiếp theo.

### ***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Nghiên cứu, luận giải những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.
- Hệ thống hóa, phân tích và làm rõ chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN qua hai giai đoạn: 2010-2015 và 2015-2020.
- Nhận xét về những ưu điểm và hạn chế, chỉ ra nguyên nhân chủ yếu; đúc kết một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang từ năm 2010 đến năm 2020.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Hoạt động lãnh đạo Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

*Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về KTNN trên các nội dung: (1) Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH; (2) Quy hoạch và xây dựng vùng

sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; (3) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, mô hình liên kết trong nông nghiệp; (4) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển KTNN; (5) Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

*Về không gian:* Địa bàn tỉnh An Giang (trước sáp nhập), bao gồm 02 thành phố: Long Xuyên, Châu Đốc; 01 thị xã: Tân Châu và 08 huyện: An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Thoại Sơn, Châu Thành, Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên.

*Về thời gian:* Từ năm 2010 đến năm 2020, tương ứng với 2 nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ IX và lần thứ X. Để bảo đảm tính hệ thống, luận án có xem xét một số vấn đề liên quan đến KTNN trước năm 2010 và sau năm 2020.

#### **4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu**

##### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” nói chung và KTNN nói riêng trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; hệ thống phương pháp luận sử học mácxít. Luận án chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: lịch sử, lôgic, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học,...

##### **4.3. Nguồn tài liệu**

Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về KTNN; Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh; các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy An Giang về KTNN; một số Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh (HĐND); quyết định, kế hoạch, báo cáo,... của Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND) và các sở, ban, ngành tỉnh An Giang có liên quan đến KTNN.

Các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố (sách, kỷ yếu, luận án, bài báo, tạp chí) có liên quan đề tài luận án và tư liệu khảo sát thực tế tại địa phương.

#### **5. Những đóng góp mới của luận án**

Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật, tin cậy liên quan đến quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020. Góp phần phục dựng khách quan, chân thực, có hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN những năm 2010-2020.

Đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế; đúc kết một số kinh nghiệm qua thực tiễn lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang từ năm 2010 đến năm 2020.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

Luận án hệ thống hóa và tổng kết toàn diện quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN giai đoạn 2010-2020, góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho nghiên cứu lịch sử Đảng về lĩnh vực “tam nông” trong thời kỳ đổi mới và CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để Đảng bộ tỉnh An Giang tiếp tục hoàn thiện chủ trương, hoạch định chính sách lãnh đạo phát triển KTNN thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập tỉnh với không gian mở rộng và lợi thế mới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng bộ địa phương.

## **7. Kết cấu của luận án**

Kết cấu của luận án gồm: Mở đầu; nội dung (4 chương, 8 tiết); kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

### **Chương 1**

#### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

##### **1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án**

###### ***1.1.1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài***

Qua tổng quan các công trình của học giả nước ngoài có thể nhận thấy sự quan tâm ngày càng rõ nét và có hệ thống đối với vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi và hội nhập quốc tế. Nhiều công trình không chỉ phân tích thực trạng mà còn đưa ra các gợi mở chính sách mang tính khả thi, bao gồm chuyển trọng tâm từ tăng sản lượng sang nâng cao giá trị và bền vững, cải thiện quản trị đất đai và bảo vệ nông hộ nhỏ, tăng cường hoạch định chính sách, thúc đẩy quản trị phù hợp với đặc thù vùng miền. Các nghiên cứu này góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho điều chỉnh chính sách “tam nông” ở Việt Nam theo hướng hiệu quả, bao trùm hơn.

###### ***1.1.2. Những công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước***

***1.1.2.1. Những công trình nghiên cứu chung về KTNN và sự lãnh đạo của Đảng đối với KTNN ở Việt Nam***

Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề “tam nông” từ nhiều góc độ, góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò chiến lược của KTNN, phân tích sâu thực trạng, nhận diện rõ thách thức của “tam nông” trong bối cảnh hội nhập, so sánh kinh nghiệm quốc tế để rút ra bài học phù hợp cho nước ta. Đồng thời, trong một số nghiên cứu, các tác giả cũng nêu các kiến

ng nghị, đề xuất định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để triển khai hiệu quả hơn nữa chính sách phát triển KTNN trong thời gian tới.

*1.1.2.2. Những công trình nghiên cứu về KTNN và sự lãnh đạo của các Đảng bộ đối với KTNN ở một số vùng, địa phương*

Các công trình đã phân tích toàn diện thực trạng, kết quả đạt được và đúc kết kinh nghiệm trong lãnh đạo phát triển KTNN ở một số Đảng bộ địa phương, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp, định hướng phát triển KTNN trong giai đoạn tiếp theo. Thông qua việc nghiên cứu các công trình này giúp tác giả có được cái nhìn khái quát và hệ thống về vấn đề, xác định rõ hướng tiếp cận, nội dung nghiên cứu đối với KTNN, qua đó tạo cơ sở khoa học để tác giả triển khai nghiên cứu chuyên sâu, phục vụ đề tài luận án.

*1.1.2.3. Những công trình nghiên cứu về KTNN tỉnh An Giang và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với KTNN*

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp cho tác giả cái nhìn hệ thống về thực tiễn lãnh đạo, phát triển KTNN, nông thôn tỉnh An Giang thời gian qua. Đồng thời, các nghiên cứu chỉ rõ vai trò, đóng góp quan trọng của KTNN đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các kết quả nghiên cứu này là nguồn tư liệu khoa học quan trọng, là cơ sở để tác giả chọn lọc, kế thừa và phát triển trong quá trình thực hiện luận án.

**1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu**

*1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan*

*Về tư liệu:* Các tư liệu, tài liệu có liên quan đề tài nghiên cứu của luận án bao gồm: hệ thống văn kiện của Đảng, văn bản pháp quy của Nhà nước, văn kiện của Đảng bộ tỉnh An Giang, nghị quyết của HĐND tỉnh, cùng các kế hoạch, chương trình, đề án, báo cáo,... của UBND tỉnh và các sở, ban, ngành.

*Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu:* Tiếp cận dưới nhiều góc độ các chuyên ngành khác nhau như: Triết học, Kinh tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng, Lịch sử Đảng,... từ lý luận và tổng kết thực tiễn. Sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử, logic...

*Về nội dung nghiên cứu:*

*Thứ nhất,* các công trình nghiên cứu dù cách tiếp cận có khác nhau nhưng đã làm nổi bật những vấn đề cơ bản có liên quan đến lý luận phát triển KTNN.

*Thứ hai,* cung cấp bức tranh tổng thể về phát triển KTNN ở nhiều quốc gia trên thế giới.

*Thứ ba,* nhiều công trình nghiên cứu đề cập tới sự lãnh đạo của Đảng cũng như một số đảng bộ địa phương về phát triển KTNN trong những giai đoạn nhất định.

*Thứ tư*, cung cấp những vấn đề cơ bản có liên quan đến quá trình phát triển KTNN trên địa bàn tỉnh An Giang trong thời kỳ đổi mới.

Kết quả nghiên cứu của các công trình đã cung cấp những cứ liệu khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa trong quá trình viết luận án. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về tỉnh An Giang mới chỉ đề cập đến vấn đề phát triển KTNN một cách khái quát. Đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập, đánh giá sâu sắc và hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

### **1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu**

*Một là*, những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN.

*Hai là*, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN từ năm 2010 đến năm 2020.

*Ba là*, nhận xét về ưu điểm, hạn chế và một số kinh nghiệm rút ra trong quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN (2010-2020).

### **Tiểu kết chương 1**

Các công trình nghiên cứu về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn” Việt Nam nói chung và KTNN nói riêng của các học giả trong và ngoài nước có nội dung khá toàn diện, mang tính chuyên sâu, được tiếp cận ở nhiều góc độ, chuyên ngành khác nhau, với sự đa dạng, phong phú về phương pháp nghiên cứu. Từ sự phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh xác định rõ những kết quả nghiên cứu, những nội dung có thể tham khảo, kế thừa trong quá trình viết luận án. Trên cơ sở đó, phát hiện những khoảng trống, những vấn đề mới cần tiếp tục tập trung giải quyết, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang trong giai đoạn tới.

## **Chương 2**

### **CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015**

#### **2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp**

##### **2.1.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp**

##### *2.1.1.1. Tình hình thế giới, trong nước*

*Tình hình thế giới*: Những năm 2010-2015, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, đặt ra nhiều thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu

hướng chung. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đã trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy chuyển đổi, nâng cao hiệu quả của KTNN.

*Tình hình trong nước:* Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001-2010), Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có KTNN. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

*2.1.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm 2010-2015*

*Chủ trương của Đảng:* Đại hội XI xác định phương hướng trong những năm tới là phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng CNH, HĐH gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn. Mục tiêu đề ra đến năm 2015, phấn đấu giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân 5 năm đạt 2,6-3%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2015 chiếm 40-41% lao động xã hội. Thu nhập của người dân nông thôn tăng 1.8-2 lần so với năm 2010. Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định: Thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn.

*Một số chính sách của Nhà nước:* Nghị quyết số 26/2012/QH13 Về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 124/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 899/QĐ-TTg, phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 801/QĐ-TTg, ngày 27-6-2012 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;...

*2.1.1.3. Điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh An Giang*

*Điều kiện tự nhiên:* An Giang là tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, có tọa độ địa lý từ 104°47'20" đến 105°35'10" kinh độ Đông và từ 10°20'07" đến 10°34'23" vĩ độ Bắc. Tổng diện tích tự nhiên 3.536km<sup>2</sup>, hơn 80% diện tích là đất nông nghiệp. Địa hình An Giang gồm hai dạng chính: đồng bằng và đồi núi. Tỉnh có khí hậu đặc trưng nhiệt đới gió mùa, ổn định, không có bão. Tỉnh sở hữu nguồn nước ngọt dồi dào nhờ hai con sông chính là sông Tiền và sông Hậu, cùng hệ thống kênh rạch nhiều, đất phù sa chiếm diện tích lớn, thuận lợi để phát triển KTNN, là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước.

*Điều kiện kinh tế - xã hội:* Trong những năm 2000-2010, kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng và có nhiều khởi sắc. Đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người đạt 21,183 triệu đồng, tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh vượt mức 3 tỷ USD. Là tỉnh có dân số đông nhất vùng ĐBSCL, với 29 dân tộc cùng sinh sống,

trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh, Khmer, Chăm và Hoa. Là cái nôi của nhiều tôn giáo nội sinh như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo,...

Như vậy, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và văn hóa truyền thống như trên đã tác động nhiều mặt đến quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang trong phát triển KTNN.

#### *2.1.1.4. Thực trạng KTNN tỉnh An Giang trước năm 2010*

Giai đoạn 2006-2010, KTNN của tỉnh tiếp tục phát triển và từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường. Tỉnh đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao và áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Nhiều chương trình và mô hình canh tác tiên tiến, sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP và chăn nuôi an toàn sinh học được triển khai rộng rãi, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và bảo vệ môi trường. Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, thủy sản nuôi trồng tăng nhanh. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng hệ thống thủy lợi, tăng cường tập huấn kỹ thuật cho nông dân, chú trọng đào tạo nghề và đầu tư hạ tầng nông thôn, góp phần cải thiện đời sống cư dân nông thôn. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,77%/năm.

Tuy nhiên, sự phát triển KTNN của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế như: Tốc độ tăng trưởng chưa ổn định, chi phí sản xuất cao nên năng lực cạnh tranh của nông sản còn thấp. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch chậm, sản xuất vẫn phụ thuộc nhiều vào cây lúa trong khi tiềm năng rau màu và cây ăn trái chưa được khai thác hiệu quả. Hạ tầng nông thôn, đặc biệt là giao thông và thủy lợi, chưa đồng bộ; đầu tư thủy lợi còn tập trung cho sản xuất lúa. Việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao kỹ thuật chưa đồng đều giữa các lĩnh vực. Ngoài ra, nhiều hợp tác xã quy mô nhỏ, năng lực quản trị và liên kết sản xuất còn hạn chế nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

#### **2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2015)**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ IX nêu quan điểm: CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phát triển mạnh dịch vụ và công nghiệp phục vụ nông nghiệp; phát triển công nghiệp phục vụ tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu. Đẩy mạnh đầu tư phát triển nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trước hết là hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2015 về KTNN được đề ra: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân ở khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,2%; tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 25,24% trong cơ cấu kinh tế toàn tỉnh; tỷ lệ che phủ rừng đạt 22,4%. Các nhiệm vụ, giải pháp được Đại hội xác định: phát triển nông nghiệp

theo hướng sản xuất lớn, toàn diện theo hướng CNH, HĐH; xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp phù hợp với thể mạnh của từng vùng, từng địa phương; sớm tổ chức lại sản xuất với các hình thức liên kết thích hợp theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ; triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động; tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển KTNN, Đảng bộ tỉnh tiếp tục khẳng định quan điểm, bổ sung những nhận thức mới thông qua Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 15-9-2011 “Về xây dựng nông thôn mới”; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27-6-2012 “Về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Báo cáo số 146-BC/TU ngày 17-9-2013;... Đặc biệt, ở Nghị quyết số 09-NQ/TU, Đảng bộ tỉnh xác định việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao là “khâu đột phá” trong phát triển KTNN của tỉnh.

Chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang thể hiện sự chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, góp phần phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo nền tảng cho phát triển KTNN những năm 2010-2015.

## **2.2. Đảng bộ tỉnh An Giang chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2015)**

### ***2.2.1. Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH***

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo trọng tâm cần giảm tỷ trọng sản xuất thuần nông, tăng tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng cao, như chế biến nông sản và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm diện tích trồng lúa kém hiệu quả, mở rộng canh tác rau màu và cây ăn trái phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và nhu cầu thị trường.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND) ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04-01-2011; Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 18-8-2011 đặt mục tiêu tăng trưởng KTNN bình quân 3,2%/năm, tập trung ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả KTNN. Nhờ đó, cơ cấu nội ngành nông nghiệp của tỉnh có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản. Tỷ trọng trồng trọt giảm từ 68% (năm 2010) xuống 63,2% (năm 2015), giá trị sản xuất đạt 129 triệu đồng/ha (tăng 51,5%). Diện tích lúa đạt 644.000ha với năng suất trên 6,4 tấn/ha; diện tích rau màu đạt 63.000ha. Lĩnh vực thủy sản phát triển mạnh, diện tích nuôi trồng đạt 2.480ha với sản lượng 326.565 tấn, giá trị sản xuất 9.037 tỷ đồng.

### **2.2.2. Chỉ đạo quy hoạch, xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung**

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo cần phải xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp phù hợp với thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, và tính đa dạng của đất đai; hình thành những vùng chuyên canh với những sản phẩm chiến lược của tỉnh.

UBND tỉnh ra Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 29-11-2012 ban hành “Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 25-8-2014 phê duyệt “Quy hoạch chi tiết phát triển các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa (lúa, rau màu, thủy sản) tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;... hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch như: vùng thâm canh lúa chất lượng cao, lúa đặc sản; vùng chuyên canh rau màu; vùng cây ăn trái; vùng hoa, cây cảnh; vùng nấm ăn, nấm dược liệu; vùng bảo tồn, phát triển dược liệu; vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm; vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Đối với các sản phẩm chủ lực, vùng sản xuất lúa hàng hóa, chất lượng cao tập trung ở Thoại Sơn, Châu Phú, Châu Thành và Phú Tân. Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại Long Xuyên, Châu Thành, Châu Phú, Chợ Mới, Phú Tân và Thoại Sơn. Vùng chuyên canh rau màu tập trung tại Chợ Mới, Châu Phú, An Phú và Tân Châu.

### **2.2.3. Chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp**

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo: “phát triển mạnh các hình thức trang trại, gia trại, hợp tác xã, các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác, đặc biệt liên kết giữa người sản xuất và doanh nghiệp”; “đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp; củng cố, đổi mới hoạt động các hợp tác xã và tổ chức hợp tác hiện có; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông nghiệp ở nông thôn”. Cùng với tổ chức sản xuất, Đảng bộ tỉnh yêu cầu cần chú trọng thúc đẩy liên kết sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đặc biệt là mô hình liên kết “bốn nhà”.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 08-7-2014 với các chính sách ưu đãi về đất đai, đầu tư về cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực, phát triển thị trường, áp dụng khoa học công nghệ,... UBND tỉnh ra Quyết định số 1639/QĐ-UBND, ngày 22-9-2014 ban hành “Tiêu chí cánh đồng lớn lúa, nếp tỉnh An Giang”; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 10-10-2014 ban hành “Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang”;... Thực hiện chính sách liên kết trong xây dựng “cánh đồng lớn” theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25-10-2013 của Thủ tướng Chính phủ. Nhờ triển khai đồng bộ các chính sách phát triển tổ chức sản xuất và mở rộng liên kết, tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 105 hợp tác xã nông

ng nghiệp, doanh thu bình quân đạt 1,4 tỷ đồng/năm; 880 tổ hợp tác sản xuất, dịch vụ nông nghiệp và 697 trang trại. Các chính sách khuyến khích liên kết đã thúc đẩy diện tích “cánh đồng lớn” tăng lên 40.615ha.

#### ***2.2.4. Chỉ đạo đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp***

Đảng bộ tỉnh quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với quy trình sản xuất tiên tiến và đẩy mạnh đầu tư phát triển cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện kết cấu kinh tế - xã hội nông thôn.

UBND tỉnh ra Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 16-9-2011 nêu rõ quan điểm đẩy mạnh đầu tư phát triển nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trước hết là hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ phát triển KTNN, xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, UBND tỉnh còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện: Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 07-3-2010 ban hành “Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn tỉnh An Giang đến năm 2020”; Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 13-4-2012 phê duyệt “Danh mục dự án ưu tiên theo chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang”; Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 27-8-2013 phê duyệt “Kế hoạch hành động chi tiết của các ngành, lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh An Giang trong khuôn khổ chương trình mục tiêu quốc gia”;... Đến năm 2015, tỉnh đã đầu tư 16.476 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn. Nhiều công trình giao thông được nâng cấp, mở rộng với 2.432km đường và xây mới 477 cầu. Hệ thống thủy lợi được cải thiện qua việc nạo vét, mở rộng 878 kênh, nâng cấp 1.367km đê bao và xây dựng 418 trạm bơm điện. Điện nông thôn cũng được phát triển với 14.834km đường dây và 55 trạm biến áp. Nhờ đó, cơ giới hóa sản xuất đạt cao, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả KTNN.

#### ***2.2.5. Chỉ đạo nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao***

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến nông, thủy sản. UBND tỉnh ra Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31-3-2011 ban hành “Chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015”; Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 01-3-2013 ban hành “Kế hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao từ nay đến năm 2015”; Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 19-11-2012 ban hành “Quy định một số chính sách hỗ

trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

Sở Khoa học và Công nghệ, Sở NN&PTNT chủ trì, kết hợp với các ngành chuyên môn tiến hành khảo nghiệm, tuyển chọn và du nhập giống mới có năng suất, chất lượng cao. Trong trồng trọt, tập trung phát triển lúa chất lượng cao, lúa đặc sản và tổ chức sản xuất trên cánh đồng lớn phục vụ xuất khẩu. Rau màu được quy hoạch tại 6 địa phương với nhiều loại chủ lực như cải, dưa, bầu bí, hành, khoai lang,... gắn với mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, quản lý dịch hại sinh học và quy trình an toàn. Đồng thời, trồng nấm được phát triển theo hướng công nghiệp với các loại nấm ăn, nấm dược liệu có giá trị, kết hợp tập huấn và chuyển đổi vườn tạp thành trang trại nấm công nghệ cao. Trong chăn nuôi, ưu tiên các giống có lợi thế cạnh tranh, triển khai các mô hình theo hướng khép kín, liên kết từ con giống, chế biến đến tiêu thụ, đồng thời ứng dụng xử lý chất thải hiện đại và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn. Trong thủy sản, tập trung vào cá tra với chọn lọc giống nâng tốc độ tăng trưởng, cải thiện chất lượng phi lê và hoàn thiện quy trình đạt tiêu chuẩn. Đẩy mạnh tập huấn kỹ thuật nuôi cho nông dân nhằm đa dạng hóa đối tượng nuôi, nâng hiệu quả và chất lượng đáp ứng thị trường.

### **Tiểu kết chương 2**

Trong những năm 2010-2015, Đảng bộ tỉnh An Giang đã đánh giá sâu sắc những tác động của tình hình thế giới và trong nước; điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng phát triển KTNN của tỉnh trước năm 2010. Từ đó, Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương đưa KTNN của tỉnh tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, xác định các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả để chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng CNH, HDH; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, ban hành chính sách liên kết, thu hút đầu vào KTNN; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ cao; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển KTNN. Nhờ vậy, KTNN của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tốt, tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn những hạn chế nhất định. Từ đó đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh An Giang phải tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để lãnh đạo phát triển KTNN có hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo.

**Chương 3**  
**ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020**

**3.1. Những yếu tố mới tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp**

**3.1.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp**

**3.1.1.1. Tình hình thế giới, trong nước**

*Tình hình thế giới:* Trong những năm 2010 - 2020, tình hình thế giới xuất hiện những yếu tố mới. Xu thế lớn vẫn là “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển”, nhưng diễn biến phức tạp, khó đoán định hơn. Cục diện chính trị và an ninh toàn cầu biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, biến đổi khí hậu, đại dịch Covid-19,... ảnh hưởng đến sự phát triển KTNN.

*Tình hình trong nước:* Sau 30 năm đổi mới, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. KTNN đạt được nhiều kết quả tích cực, giá trị gia tăng bình quân 3%/năm, tập trung tái cơ cấu nông nghiệp, đa dạng cây trồng và vật nuôi, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nhiều mô hình liên kết,... Tuy nhiên, KTNN vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức.

**3.1.1.2. Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới**

Tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL, được hưởng nhiều cơ chế, chính sách phát triển và đầu tư hạ tầng giao thông quan trọng, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và tăng trưởng kinh tế. Với vị trí giáp Campuchia và hệ thống cửa khẩu đa dạng, tỉnh có lợi thế phát triển thương mại biên mậu và giao thương quốc tế. Đồng thời, tỉnh có tiềm năng lớn về KTNN, đặc biệt là sản xuất lúa và cá tra. Tuy nhiên, tỉnh đối mặt nhiều khó khăn như tăng trưởng chững lại, hạ tầng chưa đồng bộ, di dân cao và tác động của biến đổi khí hậu.

Những yếu tố mới của tình hình thế giới, trong nước và tỉnh An Giang có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ mới trong phát triển KTNN.

**3.1.1.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KTNN trong những năm 2015-2020**

*Chủ trương của Đảng:* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, chú trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTNN trong 5 năm (2016-2020), trong đó đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp

theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, hàng hóa lớn; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng. Ngày 07-8-2019, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 54-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” khẳng định “nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta”.

*Một số chính sách của Nhà nước:* Quốc hội ban hành Nghị quyết số 24/2016/QH14, ngày 08-11-2016 “Về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020”, trong đó xác định cơ cấu lại mạnh mẽ ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu,...; Ngày 23-11-2016, Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23-11-2016 “Về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành Nông nghiệp”;...

Chính phủ ban hành nhiều văn bản quan trọng để định hướng, triển khai thực hiện như: Quyết định số 1684/QĐ-TTg, ngày 30-9-2015 phê duyệt “Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành NN&PTNT đến năm 2030”; Chỉ thị số 26/CT-TTg, ngày 06-10-2015 về “Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Quyết định số 923/QĐ-TTg, ngày 28-6-2017 phê duyệt “Chương trình mục tiêu tái cơ cấu KTNN và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư”; Quyết định số 1819/QĐ-TTg, ngày 16-11-2017 phê duyệt “Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020”;...

### ***3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về đẩy mạnh phát triển KTNN (2015-2020)***

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 khẳng định: An Giang là tỉnh nông nghiệp và có thế mạnh về thương mại, do đó, nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế được xác định theo thứ tự ưu tiên: nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng. Trong đó, “đầu tư và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến” là một trong 3 khâu đột phá của nhiệm kỳ. Đại hội đề ra những giải pháp cơ bản về đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với cơ cấu lại nông nghiệp; đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh ủy ban hành các chủ trương có liên quan đến phát triển KTNN trong nhiệm kỳ như: Chương trình hành động 04-CTr/TU ngày 18-7-2016 “Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”; Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 11-11-2016 “Về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025”; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10-02-2017 “Về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”;... Đặc biệt, trong Chương trình hành động số 08-CTr/TU Tỉnh ủy nêu rõ quan điểm: “Phát triển nông nghiệp phải đặt trong tổng thể nền kinh tế, đồng bộ với phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Phát triển sản xuất theo chiều sâu, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích đất sản xuất; sản xuất phải gắn với nhu cầu thị trường và phải tăng thu nhập người nông dân”.

Như vậy, giai đoạn 2015-2020, chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển KTNN có bước phát triển, được kế thừa, bổ sung, phát triển để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới và thực tiễn địa phương.

### **3.2. Đảng bộ tỉnh An Giang chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp (2015-2020)**

#### ***3.2.1. Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại gắn với tái cơ cấu nông nghiệp***

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo: “Tập trung 03 nhóm sản phẩm chiến lược của tỉnh là gạo, cá và rau màu, trong đó cấu trúc lại cây lúa, con cá để thích ứng với thị trường”; “Từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu; giữ vững mức tăng trưởng nông nghiệp hợp lý qua từng năm trong giai đoạn 2016-2020, tạo đà tăng trưởng cao cho giai đoạn tiếp theo”.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10-12-2015, trong đó nêu rõ thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy nhanh quá trình liên kết và mở rộng diện tích sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn; chủ động xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm, tập trung ưu tiên cho 5 sản phẩm tái cơ cấu. UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 02-6-2015 phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020”; Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 11-4-2016 phê duyệt “Chương trình nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 15-5-2017 “Kế hoạch chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27-5-2016 của Thủ tướng Chính phủ”; Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 14-11-2017

“Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang đất rau, màu và cây ăn trái giai đoạn 2017-2020”;...

Đến năm 2020, tỷ trọng trồng trọt giảm còn 65,55%, thủy sản tăng lên 22,27%. Chuyển đổi 25.599ha đất lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây ăn trái mang lại giá trị kinh tế cao. Giá trị sản xuất bình quân đạt 221,7 triệu đồng/ha, diện tích lúa 637.000ha, sản lượng 4 triệu tấn, đưa An Giang đứng thứ hai cả nước về diện tích và sản lượng lúa. Ngoài ra, tỉnh từng bước thúc đẩy gắn kết phát triển KTNN với kinh tế du lịch như một hướng đi phù hợp điều kiện sông nước, miệt vườn và chuyển dịch kinh tế theo hướng đa giá trị.

### **3.2.2. Chỉ đạo phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung**

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, quy hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khai thác hiệu quả quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020. Phát triển mô hình OCOP nông nghiệp đặc trưng, gắn với xây dựng và quảng bá thương hiệu, đồng thời kết hợp khai thác tiềm năng du lịch và phân phối sản phẩm qua hệ thống siêu thị trong và ngoài nước.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 05-4-2016 phê duyệt “Kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn lúa, nếp tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2025”; Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 11-8-2017 phê duyệt đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình cánh đồng lớn theo phương châm 4H”; Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 28-7-2017 phê duyệt “Quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 2607/QĐ-UBND ngày 30-8-2017 phê duyệt “Dự án phát triển chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020”; Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 20-10-2017 phê duyệt “Kế hoạch phát triển thủy sản bền vững tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”;...

Nhờ đó, những năm 2015-2020, tỉnh đã hình thành và phát triển thêm nhiều vùng chuyên canh quy mô lớn với nhiều hình thức khác nhau đối với các sản phẩm chủ lực bên cạnh các vùng chuyên canh ở các địa phương.

### **3.2.3. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo “khuyến khích thành lập các doanh nghiệp nông nghiệp, các trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác, tổ hợp tác nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao” và “hoàn thiện, phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (chiều dọc và ngang) để có mối liên kết bền vững”. Đồng thời, cần “vận dụng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đầu tư của

Trung ương, của tỉnh phù hợp với nhu cầu thực tiễn; rà soát, đề xuất Trung ương về cơ chế đặc thù nhằm thu hút mạnh các doanh nghiệp đầu tư”.

UBND tỉnh ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện hỗ trợ để phát triển kinh tế tập thể, chuỗi liên kết: Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24-6-2015 phê duyệt “Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh An Giang”; Chương trình hành động số 251/CTr-UBND ngày 27-5-2016 “Thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới vùng ĐBSCL tại An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 02-3-2016 “Quy định mức chi hỗ trợ đối với chính sách khuyến khích phát triển, hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn”; Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 “Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

#### ***3.2.4. Chỉ đạo tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp***

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch; đầu tư hạ tầng giao thông có trọng tâm, đồng bộ liên kết vùng, miền, khu vực biên giới, vùng khó khăn và kết hợp xây dựng nông thôn mới và xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp phục vụ việc cấu trúc lại, ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trên cơ sở chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, UBND đã ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 10-6-2015 phê duyệt “Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015-2020 theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ”; Đề án số 426/ĐA-UBND ngày 19-7-2017 “Xã hội hóa đầu tư xây dựng cầu nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 26-01-2018 phê duyệt “Dự án hỗ trợ cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất thủy sản tỉnh An Giang đến giai đoạn 2018-2020”; Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 14-11-2018 ban hành “Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

Nhờ đó, trong những năm 2015-2020, tỉnh tập trung thu hút, kêu gọi đầu tư vào nhiều dự án trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển KTNN và xây dựng nông thôn mới. Một số dự án tiêu biểu như: khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại Châu Phú; các cơ sở giết mổ tập trung tại Châu Đốc, Tri Tôn, Tịnh Biên, Thoại Sơn; trang trại chăn nuôi công nghệ cao tại Tri Tôn, Tịnh Biên;... Hạ tầng thủy lợi cơ bản giúp kiểm soát lũ, cải thiện sinh kế nông dân, đa dạng hóa mô hình sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và thích ứng biến đổi khí hậu. Về cơ giới hóa nông nghiệp, đảm bảo khâu làm đất đạt 100%; 98%

diện tích canh tác được tưới tiêu bằng máy động lực; đáp ứng 98% diện tích thu hoạch bằng máy; 75% sản lượng lúa được làm khô bằng lò sấy;...

### **3.2.5. Chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Đảng bộ tỉnh xác định: “Ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo nhiều sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao”; “Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao mức đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp vào tăng trưởng nông nghiệp”.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND, ngày 20-01-2015 phê duyệt “Đề án đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển hoạt động khuyến nông, khuyến ngư phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”; Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 01-02-2016 ban hành “Chương trình khoa học và công nghệ về phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10-3-2016 ban hành “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23-12-2019 ban hành “Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang”;...

Nhờ đó, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ cao, đã tạo chuyển biến rõ rệt cho KTNN của tỉnh trong những năm 2015-2020. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình mới được nghiên cứu, như các giống lúa Móng Chim, AS-R05, AS-R06 với năng suất khoảng 3,5 tấn/ha, có khả năng chống sâu bệnh tốt. Công nghệ biofloc giúp nuôi cá rô phi, cá điêu hồng đạt năng suất 20 tấn/ha. Đồng thời, nhiều mô hình và tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến được áp dụng rộng rãi, mở rộng diện tích sản xuất đạt chuẩn và nâng cao chất lượng, giá trị nông sản của địa phương.

### **Tiểu kết chương 3**

Trong những năm 2015-2020, trên cơ sở những thành tựu đạt được trước đó và trước yêu cầu mới của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế, Đảng bộ tỉnh An Giang đã định hướng phát triển KTNN gắn với tái cơ cấu ngành và chương trình xây dựng nông thôn mới, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản. Tỉnh chú trọng quy hoạch và điều chỉnh các vùng sản xuất tập trung, ưu tiên phát triển ba sản phẩm chủ lực là lúa gạo, rau màu, cá tra và hai sản phẩm tiềm năng là bò, nầm; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển liên kết chuỗi giá trị và đầu tư hạ tầng

phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Nhờ đó, KTNN của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy vậy, sản xuất vẫn còn manh mún, liên kết chuỗi và thương hiệu nông sản chưa mạnh, việc ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư hạ tầng còn hạn chế, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh tiếp tục có giải pháp phát triển bền vững hơn.

## **Chương 4**

### **NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM**

#### **4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2010 đến năm 2020**

##### **4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân**

###### **4.1.1.1. Ưu điểm**

*Thứ nhất*, Đảng bộ tỉnh An Giang xác định KTNN giữ vị trí trọng yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; từ đó hoạch định các chủ trương phù hợp nhằm phát huy lợi thế, khai thác hiệu quả các nguồn lực và thúc đẩy KTNN phát triển theo hướng bền vững.

*Thứ hai*, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có kế hoạch, trong đó ưu tiên cho những sản phẩm có lợi thế của địa phương như: lúa gạo, thủy sản, rau màu.

*Thứ ba*, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, KTNN đạt được nhiều thành tựu quan trọng, từng bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện theo hướng bền vững.

###### **4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm**

*Thứ nhất*, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về “tam nông” trong thời kỳ đổi mới và hội nhập là đúng đắn, ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, sát với thực tiễn hơn.

*Thứ hai*, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo đường lối phát triển KTNN của Đảng trong việc hoạch định các chủ trương lãnh đạo phát triển KTNN phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

*Thứ ba*, sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành cùng với sự đồng thuận và ủng hộ tích cực của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển KTNN và xây dựng nông thôn mới.

*Thứ tư*, sự năng động và sáng tạo của nông dân An Giang cũng là yếu tố then chốt thúc đẩy KTNN phát triển.

##### **4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân**

###### **4.1.2.1. Hạn chế**

*Một là*, việc ban hành chủ trương, chính sách phát triển KTNN ở một số thời điểm còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước.

*Hai là*, công tác chỉ đạo phát triển KTNN có mặt còn hạn chế nên chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

*Ba là*, trong chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể có lúc chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn.

#### 4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

*Thứ nhất*, quá trình lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh chịu tác động mạnh từ nhiều yếu tố khách quan trong và ngoài nước.

*Thứ hai*, hạn chế về nhận thức và hành động của một bộ phận cấp ủy, chính quyền và người dân vẫn là yếu tố cản trở hiệu quả phát triển KTNN.

*Thứ ba*, cơ chế, chính sách của Trung ương về huy động nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt đối với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vẫn tồn tại các “điểm nghẽn” thể chế.

### 4.2. Một số kinh nghiệm Đảng bộ tỉnh An Giang trong lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2010 đến năm 2020

#### 4.2.1. Quán triệt sâu sắc chủ trương, sự chỉ đạo của Trung ương, nắm chắc thực tiễn, linh hoạt và chủ động đề ra chủ trương phát triển KTNN phù hợp với lợi thế của địa phương

Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đánh giá đúng tiềm năng, thế mạnh chung của tỉnh, từ đó đề ra chủ trương lãnh đạo phát triển KTNN phù hợp. Nhờ định hướng đúng đắn, tỉnh đã khai thác tốt tiềm năng, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn gắn với ba sản phẩm chủ lực là lúa gạo, thủy sản và rau màu. Mô hình “cánh đồng lớn” được triển khai hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Để tiếp tục phát huy kinh nghiệm này trong lãnh đạo phát triển KTNN thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần kịp thời quán triệt và triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương. Các cấp ủy, chính quyền cần nhanh chóng cụ thể hóa bằng nghị quyết, chương trình và kế hoạch hành động phù hợp với thực tiễn địa phương, đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra nhằm tháo gỡ khó khăn và điều chỉnh giải pháp kịp thời. Bên cạnh đó, cần chú trọng xây dựng các cơ chế, chính sách mang tính đột phá và đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

Việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Quốc hội về sáp nhập tỉnh An Giang và Kiên Giang mở ra không gian phát triển mới với vị trí địa chiến lược, kết hợp đồng bằng, biên giới và biển đảo. Với quy mô diện tích, dân số lớn và toàn bộ khu vực Tứ giác Long Xuyên thuộc phạm vi quản lý, tỉnh có điều kiện phát triển KTNN hàng hóa quy mô lớn, hình thành chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại gắn với chế biến, logistics và xuất khẩu, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập.

#### ***4.2.2. Quan tâm, ưu tiên giải quyết có trọng điểm vấn đề đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng và nhạy bén trong việc tiếp nhận các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp***

Thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN những năm 2010-2020 cho thấy: Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất và đời sống như hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn, điện phục vụ sản xuất, cơ sở chế biến và bảo quản nông sản, tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Đồng thời, việc đầu tư kết cấu hạ tầng được gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từng bước cải thiện điều kiện sống của người dân nông thôn. Cùng với đó, tỉnh chủ động tiếp nhận, ứng dụng giống mới, quy trình canh tác tiên tiến, cơ giới hóa và các thành tựu khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất KTNN.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất - kỹ thuật và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ KTNN, trong đó tập trung vào giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, hệ thống kho bãi, bảo quản sau thu hoạch và dịch vụ logistics. Việc đầu tư hạ tầng cần được triển khai theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu. Triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp, cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin thị trường; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trong quản lý sản xuất, dự báo mùa vụ, giám sát dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ ra quyết định cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân. Chỉ đạo triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp số trong quản trị sản xuất, thương mại điện tử, kết nối thị trường và đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu.

#### ***4.2.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các thành phần kinh tế, các hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp***

Từ thực tiễn lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang những năm 2010-2020 cho thấy: Đảng bộ tỉnh đã chú trọng lãnh đạo phát triển các hình thức hợp tác và liên kết sản xuất trong nông nghiệp theo chuỗi giá trị nhằm chuyển đổi phương thức sản xuất từ nhỏ lẻ sang quy mô hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản. Đồng thời, tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, thu hút nhiều dự án lớn trong lĩnh vực giống thủy sản, nuôi trồng và chế biến nông sản.

Bên cạnh đó, các hợp tác xã và tổ hợp tác được củng cố và phát triển, trở thành lực lượng quan trọng trong tổ chức sản xuất, thúc đẩy tái cơ cấu KTNN, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương, hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế nhằm khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đồng thời, cần nâng cao năng lực quản lý của hợp tác xã, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Việc phát triển nguồn nhân lực, tăng cường quản lý nhà nước và thúc đẩy liên kết vùng sẽ góp phần mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh và phát triển KTNN theo hướng bền vững.

#### ***4.2.4. Phát triển kinh tế nông nghiệp phải gắn kết chặt chẽ giữa tái cơ cấu nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân***

Thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển KTNN những năm 2010-2020, cho thấy: Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp, triển khai tái cơ cấu ngành gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm là phát triển các sản phẩm chiến lược như lúa gạo, thủy sản và rau màu, đồng thời điều chỉnh cơ cấu sản xuất nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng nhu cầu thị trường. Việc tái cơ cấu nông nghiệp đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất, cải thiện thu nhập và đời sống của cư dân nông thôn. Đến năm 2020, quy mô GRDP của tỉnh đạt 89.362 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 46,8 triệu đồng và tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,93%. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực với 67 xã đạt chuẩn và 3 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hoàn thành sáp nhập đơn vị hành chính và tổ chức lại bộ máy quản lý. Trên cơ sở rà soát toàn diện các tiêu chí nông thôn mới, tỉnh cần xây dựng lộ trình phát triển 2026-2030 theo hướng chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nền KTNN hiện đại dựa trên đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là hoàn thiện quy hoạch ngành gắn với lợi thế sinh thái, thúc đẩy chuyển đổi số trong chuỗi giá trị nông nghiệp, xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực và phát triển du lịch nông nghiệp, sinh thái. Đồng thời, cần chú trọng

phát triển nguồn nhân lực, tăng cường huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý nhằm xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững và hội nhập.

#### **Tiểu kết chương 4**

Những năm 2010-2020, trước bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, Đảng bộ tỉnh An Giang đã quán triệt sâu sắc các chủ trương của Trung ương về phát triển “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, từ đó xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển KTNN phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trên cơ sở đó, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh cùng các sở, ban, ngành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, thúc đẩy phát triển KTNN theo hướng bền vững.

Nhờ sự lãnh đạo và chỉ đạo quyết liệt, KTNN của tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và cải thiện diện mạo nông thôn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số hạn chế như việc cụ thể hóa chủ trương đôi khi chưa kịp thời, một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra. Từ thực tiễn đó, có thể rút ra một số kinh nghiệm quan trọng nhằm tiếp tục hoàn thiện chủ trương và nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển KTNN của tỉnh trong giai đoạn mới.

#### **KẾT LUẬN**

1. Kinh tế nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo đảm an ninh lương thực. Sau hơn 40 năm đổi mới, KTNN chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, chất lượng và gắn với thị trường.

2. An Giang là tỉnh nông nghiệp tiêu biểu của vùng ĐBSCL và cả nước. Trong những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo chủ trương của Trung ương, tập trung chỉ đạo phát triển các vùng sản xuất chuyên canh lúa, cá tra và rau màu; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, các mô hình liên kết và chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển KTNN và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo, phát huy được vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành và đặc biệt là sự đoàn kết, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nông dân để triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án... Nhờ đó, KTNN của tỉnh An Giang phát triển khá toàn diện, cơ cấu ngành chuyển dịch tích cực, năng suất và giá trị sản xuất tăng lên. Các mô hình cánh đồng lớn, liên

kết chuỗi giá trị và nông nghiệp công nghệ cao được triển khai, góp phần cải thiện đời sống nông dân và thay đổi diện mạo nông thôn.

4. Tuy đạt nhiều kết quả, quá trình lãnh đạo phát triển KTNN của Đảng bộ tỉnh An Giang những năm 2010-2020 vẫn tồn tại một số hạn chế như việc cụ thể hóa chủ trương đôi khi chậm, hiệu quả thực hiện chưa đồng đều,... Từ thực tiễn đó, luận án rút ra bốn kinh nghiệm quan trọng: (1) Quán triệt sâu sắc chủ trương, sự chỉ đạo của Trung ương, nắm chắc thực tiễn, linh hoạt và chủ động đề ra chủ trương phát triển KTNN phù hợp với lợi thế của địa phương; (2) Quan tâm, ưu tiên giải quyết có trọng điểm vấn đề đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng và nhạy bén trong việc tiếp nhận các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; (3) Phát huy mạnh mẽ vai trò của các thành phần kinh tế, các hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp; (4) Phát triển KTNN phải gắn kết chặt chẽ giữa tái cơ cấu nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới.

5. Những kinh nghiệm này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng trong định hướng phát triển KTNN của tỉnh An Giang thời gian tới. Việc vận dụng linh hoạt sẽ góp phần thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển chuỗi giá trị, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng nông thôn mới bền vững, góp phần đưa tỉnh An Giang trở thành trung tâm lúa gạo, thủy sản và dược liệu của vùng ĐBSCL và cả nước.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Võ Hoàng Đông (2022), “Những chủ trương đột phá trên lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh An Giang thời kỳ đầu Đổi Mới (1986-1995)”, *Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn*, số 81, tr.71-79.
2. Võ Hoàng Đông (2023), “Chủ trương và kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 228 (08), tr.118-125.
3. Võ Hoàng Đông (2024), “Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp ở tỉnh An Giang”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 229 (08), tr.126-133.
4. Võ Hoàng Đông (2024), “Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới (2010-2023)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 403 (6/2024), tr.107-112.
5. Võ Hoàng Đông (2024), “Sustainable development of agritourism in building new rural areas in An Giang province”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Proceedings of the international conference sustainable tourism development: Identity, resources international experiences and solutions for Vietnam”*, quyển 2, NXB Lao động, tr.323-337.
6. Võ Hoàng Đông (2025), “Agricultural restructuring associated with new rural development in An Giang province (2015-2020): Policies and results”, *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 230 (08), tr.274-281.
7. Võ Hoàng Đông (2026), “Đảng bộ tỉnh An Giang lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (bản điện tử), ngày 14-02-2026.